

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
MÔN: ĐỊA LÍ 9

GV đã cho HS tìm hiểu Địa Lí Thành Phố Hồ Chí Minh.
GV đã cho HS làm bài dạy học theo dự án + có sản phẩm + chấm điểm.
HS tham khảo:

ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG TP.HCM

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ VÀ SỰ PHÂN CHIA HÀNH CHÍNH

1. Vị trí và lãnh thổ. Sự phân chia hành chính

Thành Phố Hồ Chí Minh ở trung tâm của Nam Bộ, phía Tây Nam của Đông Nam Bộ, nằm trong toạ độ địa lí khoảng: $10^{\circ}10'$ - $10^{\circ}38'$ vĩ độ Bắc (Cù Chi) và $106^{\circ}22'$ - $106^{\circ}54'$ kinh độ Đông (Cần Giờ). Trung tâm thành phố cách thủ đô Hà Nội 1730 km (theo đường bộ).

Phía bắc giáp tỉnh Bình Dương.

Phía tây bắc giáp tỉnh Tây Ninh.

Phía đông bắc và đông bắc giáp tỉnh Đồng Nai.

Phía đông nam giáp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Phía tây và tây nam giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

Có đường bờ biển là Cần Giờ dài 20 km

Nằm ở ngã tư quốc tế giữa các con đường hàng hải từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, là tâm điểm của khu vực Đông Nam Á.

Đơn vị hành chính: Có 24 quận huyện (Quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Tân Bình, Tân Phú, Nhà Bè, Bình Chánh, Bình Tân, Gò Vấp, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Thủ Đức, Hóc Môn, Củ Chi, Cần Giờ)

2. Lịch sử hình thành

Năm 1698, [Nguyễn Hữu Cảnh](#) cho lập **phủ Gia Định**, đánh dấu sự ra đời thành phố.

Khi người [Pháp](#) vào [Đông Dương](#), để phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa, thành phố **Sài Gòn** được thành lập và nhanh chóng phát triển, trở thành một trong hai đô thị quan trọng nhất Việt Nam

Ngày 2-7-1976, Quốc hội khoá VI nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chính thức đổi tên thành phố Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày nay, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học-kỹ thuật lớn của nước ta.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Địa hình

Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền [Đông Nam Bộ](#) và [đồng bằng sông Cửu Long](#), địa hình thành phố thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Vùng cao nằm ở phía Bắc - Đông Bắc và một phần Tây Bắc, trung bình 10 đến 25 mét. Xen kẽ có một số gò đồi, cao nhất lên tới 32 mét như đồi Long Bình ở [quận 9](#). Ngược lại, vùng trũng nằm ở phía Nam - Tây Nam và Đông Nam thành phố, có độ cao trung bình trên dưới 1 mét,

nơi thấp nhất 0,5 mét. Các khu vực trung tâm, một phần các quận [Thủ Đức](#), [quận 2](#), toàn bộ huyện [Hóc Môn](#) và [quận 12](#) có độ cao trung bình, khoảng 5 tới 10 mét

2. Khí hậu, thời tiết

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, Thành phố Hồ Chí Minh có nhiệt độ cao đều trong năm và hai mùa mưa – khô rõ rệt. Mùa mưa được bắt đầu từ [tháng 5](#) tới [tháng 11](#), còn mùa khô từ [tháng 12](#) tới [tháng 4](#) năm sau.

3. Thủy văn, thổ nhưỡng

Địa chất Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm chủ yếu là hai tầng trầm tích [Pleistocen](#) và [Holocen](#) lộ ra trên bề mặt. Trầm tích Pleistocen chiếm hầu hết phần Bắc, Tây Bắc và Đông Bắc thành phố. Dưới tác động của các yếu tố tự nhiên và hoạt động của con người, trầm tích phù sa cổ hình thành nhóm đất đặc trưng riêng: đất xám.

Về thủy văn, nằm ở vùng hạ lưu [hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn](#), Thành phố Hồ Chí Minh có mạng lưới sông ngòi kênh rạch rất đa dạng.

4. Tài nguyên sinh vật

Thành phố Hồ Chí Minh có một khu vườn ngập mặn tại Cần Giờ nơi đây cũng chính là nơi cư trú của nhiều loại động-thực vật khác (còn gọi là đảo khí) với hệ sinh thái đa dạng nơi đây đang dần trở thành khu du lịch sinh thái kết hợp du lịch biển.

III. DÂN CƯ VÀ LAO ĐỘNG

1. Dân cư

Theo kết quả điều tra dân số ngày 01/04/2009 Thành phố Hồ Chí Minh có dân số **7.123.340 người**, gồm 1.812.086 hộ dân, bình quân 3,93 người/hộ. Phân theo giới tính: Nam có 3.425.925 người chiếm 48,1%, nữ có 3.697.415 người chiếm 51,9%. Dân số thành phố tăng nhanh, trong 10 năm từ 1999-2009 dân số thành phố tăng thêm 2,086.185 người, bình quân tăng gần 209.000 người/năm, tốc độ tăng 3,53%/năm, chiếm 22% số dân tăng thêm của cả nước trong vòng 10 năm. Quận Bình Tân có dân số lớn nhất với 572.796 người, tương đương với dân số một số tỉnh như: Quảng Trị, Ninh Thuận; huyện Cần Giờ có dân số thấp nhất với 68.213 người.

Sự phân bố dân cư ở Thành phố Hồ Chí Minh không đồng đều, ngay cả các quận nội ô. Trong khi các quận [3](#), [4](#), [5](#) hay [10](#), [11](#) có mật độ lên tới trên 40.000 người/km² thì các quận [2](#), [9](#), [12](#) chỉ khoảng 2.000 tới 6.000 người/km². Ở các huyện ngoại thành, mật độ dân số rất thấp, như [Cần Giờ](#) chỉ có 96 người/km². Về mức độ gia tăng dân số, trong khi tỷ lệ tăng tự nhiên 1,07% thì tỷ lệ tăng cơ học lên tới 1,9%.

2. Y tế

Thành phố Hồ Chí Minh, với dân số đông, mật độ cao trong nội thành, cộng thêm một lượng lớn dân vắng lai, đã phát sinh nhu cầu lớn về y tế và chăm sóc sức khỏe. Các tệ nạn xã hội, như [ma túy](#), [ma túy](#), tình trạng [ô nhiễm môi trường](#)... gây ảnh hưởng lớn tới sức khỏe dân cư thành phố. Những bệnh truyền nhiễm phổ biến ở các nước đang phát triển như [sốt rét](#), [sốt xuất huyết](#), [tả](#), [thương hàn](#)... hay các bệnh của những quốc gia công nghiệp phát triển, như tim mạch, tăng huyết áp, [ung thư](#), tâm thần, [bệnh nghề nghiệp](#)... đều xuất hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tuổi thọ trung bình của nam giới ở thành phố là 71,19, con số ở nữ giới là 75,00.

Vào năm [2005](#), Thành phố Hồ Chí Minh có 21.780 nhân viên y tế, trong đó có 3.399 bác sĩ. Tỷ lệ bác sĩ đạt 5.45 trên 10 nghìn dân

3. Giáo dục

Về mặt hành chính, Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh chỉ quản lý các cơ sở giáo dục từ bậc mầm non tới phổ thông. Các trường đại học, cao đẳng phần lớn thuộc [Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam](#). Trong năm học [2008–2009](#), toàn thành phố có 638 cơ sở giáo dục mầm non, 467 trường cấp I, 239 trường cấp II, 81 trường cấp III và 55 trường cấp II, III. Ngoài ra, theo con số từ [1994](#), Thành phố Hồ Chí Minh còn có 20 trung tâm xóa mù chữ, 139 trung tâm [tin học](#), ngoại ngữ và 12 cơ sở giáo dục đặc biệt. Tổng cộng 1.308 cơ sở giáo dục của thành phố có 1.169 cơ sở công lập và bán công, còn lại là các cơ sở dân lập, tư thục.

4. Giao thông vận tải

Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành một đầu mối giao thông quan trọng của [Việt Nam](#) và khu vực [Đông Nam Á](#).

Giao thông [đường sắt](#) của thành phố gồm tuyến nội ô và khu vực phụ cận - do Xí nghiệp Liên hiệp đường sắt 3 quản lý, tuyến Bắc - Nam và một vài đoạn đường chuyên dụng, hiện hầu như đã ngưng khai thác. Trong thành phố có hai nhà ga chính: Sóng Thần và [Sài Gòn](#).

Giao thông đường bộ, thành phố có 6 bến xe khách liên tỉnh được phân bố ở các cửa ngõ ra vào: Miền Đông, Văn Thánh, Miền Tây, Chợ Lớn, Tân Bình - Tây Ninh, Ký Thủ Ôn.

Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có bốn cảng biển chính: Sài Gòn, Bến Nghé, Nhà Bè, Tân Cảng cùng các cảng sông Bình Đông, Tân Thuận, Tôn Thất Thuyết, Bình Lợi, Bình Phước... Ngoài ra còn có khoảng 50 bến đò phục vụ giao thông hành khách

Giao thông trong nội ô, do tốc độ tăng dân số nhanh, quy hoạch yếu, hệ thống đường xá nhỏ... khiến thành phố luôn phải đối mặt với vấn đề ùn tắc. Hiện nay thành phố có 3.250 xe buýt và 8.000 xe taxi, mỗi năm chỉ đáp ứng khoảng 6,2% nhu cầu đi lại. Hệ thống xe buýt chưa đem lại hiệu quả cao, 65% tuyến trùng lặp. Cùng mạng lưới xe buýt, dự án [tàu điện ngầm Thành phố Hồ Chí Minh](#) cũng được đang tiến hành. Theo dự kiến, thành phố sẽ có bốn tuyến, tổng chiều dài 54 km, 6 đường ray và 22 nhà ga.

5. Du lịch

Trong khoảng 4,3 triệu khách quốc tế đến [Việt Nam](#) vào năm [2007](#), 3 triệu khách đã tới thăm Thành phố Hồ Chí Minh, tức khoảng 70%. Năm 2007 cũng là năm thành phố có được bước tiến mạnh mẽ, lượng khách tăng khoảng 12% so với [2006](#), doanh thu ngành du lịch đạt 19.500 tỷ [VND](#), tăng 20%. Là một thành phố trẻ chỉ với 300 năm lịch sử, nhưng Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng được không ít công trình kiến trúc và sở hữu một nền văn hóa đa dạng.

6. Văn hóa

Truyền thông:

Là một trong hai trung tâm truyền thông của Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có 38 đơn vị báo chí thành phố và 113 văn phòng đại diện báo chí trung ương và các

ting, 3 nhà xuất bản của thành phố và 21 chi nhánh nhà xuất bản trung ương cùng mạng lưới thông tấn xã, các đài phát thanh, truyền hình địa phương và trung ương. Tổng cộng, trên địa bàn thành phố hiện nay có trên một nghìn người hoạt động trong lĩnh vực báo chí^[67].

Thể dục thể thao:

Theo số liệu thống kê vào năm 1994, toàn Thành phố Hồ Chí Minh có 492,7 hecta dành cho hoạt động thể thao, tức trung bình 1,02 m²/người, trong đó nội thành là 0,26 m²/người. Với sự gia tăng dân số, con số thực tế hiện nay thấp hơn^[68]. Vào năm 2005, toàn thành phố có 91 sân bóng đá, 86 bể bơi, 256 phòng tập thể thao^[69]. Sân vận động lớn nhất thành phố hiện nay là [sân Thống Nhất](#), với 25 nghìn chỗ ngồi. Sân vận động lớn thứ hai là [sân Quân khu 7](#), nằm ở quận [Tân Bình](#). Không chỉ dành cho thi đấu thể thao, đây còn là địa điểm tổ chức nhiều chương trình ca nhạc quy mô lớn. Một địa điểm thể thao quan trọng khác của thành phố là [Trường đua Phú Thọ](#). Xuất hiện từ thời thuộc địa, Trường đua Phú Thọ hiện nay là trường [đua ngựa](#) duy nhất của Việt Nam. Sở Thể dục - Thể thao thành phố cũng quản lý một số câu lạc bộ như Phan Đình Phùng, Thanh Đa, Yết Kiêu.

Trung tâm văn hóa-giải trí:

Những lý do [lịch sử](#) và [địa lý](#) đã khiến Sài Gòn luôn là một thành phố đa dạng về [văn hóa](#). Ngay từ giai đoạn thành lập, dân cư của Sài Gòn đã thuộc nhiều dân tộc khác nhau: [Kinh](#), [Hoa](#), [Chăm](#)... Thời kỳ thuộc địa rồi [chiến tranh Việt Nam](#), Sài Gòn hấp thụ thêm nền văn hóa Âu Mỹ. Cho tới những thập niên gần đây, những hoạt động kinh tế, du lịch tiếp tục giúp thành phố có một nền văn hóa đa dạng hơn.

Một số lễ hội và thời gian tổ chức:

Lễ hội chiến thắng Đống Đa: 5/1 âm lịch; Lễ hội Hai Bà Trưng: 8/3 âm lịch; Giỗ tổ Hùng Vương: 10/3 âm lịch; Lễ Nghinh Ông: Tại Cần Giờ 16/8 âm lịch; Tết Ka-tê của người Chăm: 29/8 âm lịch; Giỗ tổ Trần Hưng Đạo: 10/12 âm lịch.

IV. KINH TẾ

Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò đầu tàu kinh tế của cả [Việt Nam](#). Thành phố chiếm 0,6% diện tích và 7,5% dân số của Việt Nam nhưng chiếm tới 20,2% tổng sản phẩm, 27,9% giá trị sản xuất công nghiệp và 34,9% dự án nước ngoài. Vào năm 2005, Thành phố Hồ Chí Minh có 4.344.000 lao động, trong đó 139 nghìn người ngoài độ tuổi lao động nhưng vẫn đang tham gia làm việc. Năm 2008, thu nhập bình quân đầu người ở thành phố đạt 2.534 [USD](#)/năm, cao hơn nhiều so với trung bình cả nước, 1024 USD/năm.

Nền kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh đa dạng về lĩnh vực, từ khai thác mỏ, thủy sản, [nông nghiệp](#), [công nghiệp](#) chế biến, [xây dựng](#) đến [du lịch](#), [tài chính](#)... Cơ cấu kinh tế của thành phố, khu vực nhà nước chiếm 33,3%, ngoài quốc doanh chiếm 44,6%, phần còn lại là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Về các ngành kinh tế, dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất: 51,1%. Phần còn lại, công nghiệp và xây dựng chiếm 47,7%, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm 1,2%.

Tính đến giữa năm 2006, 3 khu chế xuất và 12 khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút được 1.092 dự án đầu tư, trong đó có 452 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với

tổng vốn đầu tư hơn 1,9 tỉ [USD](#) và 19,5 nghìn tỉ [VND](#). Thành phố cũng đứng đầu Việt Nam tổng lượng vốn [đầu tư trực tiếp nước ngoài](#) với 2.530 dự án FDI, tổng vốn 16,6 tỷ USD vào cuối năm [2007](#). Riêng trong năm 2007, thành phố thu hút hơn 400 dự án với gần 3 tỷ USD.

Về thương mại, Thành phố Hồ Chí Minh có một hệ thống trung tâm mua sắm, siêu thị, chợ đa dạng. [Chợ Bến Thành](#) là biểu tượng về giao lưu thương mại từ xa xưa của thành phố, hiện nay vẫn giữ một vai trò quan trọng. Những thập niên gần đây, nhiều trung tâm thương mại hiện đại xuất hiện như [Saigon Trade Centre](#), [Diamond Plaza](#)... Mức tiêu thụ của Thành phố Hồ Chí Minh cũng cao hơn nhiều so với các tỉnh khác của Việt Nam và gấp 1,5 lần thủ đô [Hà Nội](#). [Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh](#), có mã giao dịch là [VN-Index](#), được thành lập vào [tháng 7](#) năm [1998](#). Tính đến ngày [31 tháng 12](#) năm [2007](#), toàn thị trường đã có 507 loại chứng khoán được niêm yết, trong đó có 138 cổ phiếu với tổng giá trị vốn hóa đạt 365 nghìn tỷ đồng.

V. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội TP. HCM

1. Duy trì tốc độ tăng trưởng của thành phố cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân chung của cả nước và phát triển một cách toàn diện, cân đối và bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội. Tốc độ tăng trưởng GDP TP.HCM bình quân thời kỳ 2000-2010 phấn đấu đạt 12%/năm.

Riêng giai đoạn 2001-2005 đạt bình quân 11,0%/năm và giai đoạn 2005-2010 đạt bình quân 13,0%/năm. Tương ứng với 2 giai đoạn trên, tăng trưởng của khu vực I là 2,0% và 1,7%/năm; khu vực II: 13,0% và 12,7%/năm; khu vực III: 9,6% và 13,5%/năm. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.350 USD năm 2000 lên 1.980 USD năm 2005 và 3.100 USD năm 2010.

2. Phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn TP.HCM gắn liền với tổng thể phát triển kinh tế - xã hội khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ; phát triển kinh tế hướng mạnh về xuất khẩu. Từ tỷ trọng 53,7% trong cơ cấu, khu vực dịch vụ TP.HCM phấn đấu đạt tỷ trọng khoảng 50,5% năm 2005 và 51,7% năm 2010; khu vực công nghiệp và xây dựng thay đổi tương ứng 44,1% năm 2000, đạt 48,1% (2005) và 47,5% (2010); khu vực nông lâm ngư nghiệp dự kiến sẽ giảm liên tục từ 2,2% năm 2000 xuống còn 1,4% năm 2005 và 0,8% năm 2010. Hiện đại hóa các ngành dịch vụ, đặc biệt là các loại dịch vụ cao cấp phục vụ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và công nghiệp hóa ngang tầm với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước. Hình thành một cơ cấu các thành phần kinh tế hợp lý, liên kết hỗ trợ lẫn nhau, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

3. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng ngành và toàn bộ nền kinh tế nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong tiến trình hội nhập, chiếm lĩnh thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng các ngành CN hiện có, từng bước phát triển các ngành CN mũi nhọn, hoàn chỉnh các khu CN tập trung. Phát triển các ngành, các lĩnh vực DV then chốt như thương mại, xuất nhập khẩu, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, vận tải, thông tin viễn

thông, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo; hình thành một trung tâm kinh tế - tài chính khu vực Đông Nam Á; phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân năm giai đoạn 2000-2005 là 22%/năm và giai đoạn 2006 - 2010 là 20%/năm, tốc độ tăng tổng kim ngạch nhập khẩu bình quân năm giai đoạn 2000-2005 là 17%/năm và giai đoạn 2006 - 2010 là 15%/năm. Phát triển nông nghiệp theo hướng phù hợp với đặc điểm đô thị sinh thái.

4. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với bảo đảm dân sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, công bằng xã hội. Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực; lựa chọn phát triển các công nghệ “mũi nhọn”, đồng thời mở rộng nghiên cứu ứng dụng đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH; tạo nhiều việc làm. Phấn đấu không còn hộ đói, giảm số hộ nghèo dưới 8% tổng số hộ, giảm khoảng cách về mức sống giữa hộ dân cư giàu nhất và hộ nghèo nhất từ trên 10 lần hiện nay xuống còn 5 - 6 lần vào năm 2010; xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, tiên tiến, mang đậm bản sắc và truyền thống dân tộc; cải thiện môi trường rộng thoáng, sạch và xanh. Việc cung cấp nhà ở với giá phù hợp cho các tầng lớp dân cư khác nhau trong khu vực nội thành nhằm cải thiện cuộc sống của những người nghèo, được đặt lên hàng đầu.

5. Hạn chế tăng dân số và phân bố lại hợp lý dân cư trong vùng và trên địa bàn thành phố. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bao gồm học vấn, nghề nghiệp, đạo đức và thể chất. Coi trọng phát triển khoa học và công nghệ, văn hóa – nghệ thuật, y tế, giáo dục, thể dục thể thao tương xứng với một trung tâm của khu vực. Khắc phục các tiêu cực và tệ nạn xã hội, phân hóa giàu nghèo.

6. Phát triển đồng bộ và đi trước một bước hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông đô thị. Song song với việc chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp khu vực đô thị cũ, phát triển nhanh các khu vực đô thị mới, đô thị hóa vùng nông thôn nhằm hạn chế mật độ dân cư tập trung quá mức ở các khu vực trung tâm; gia tăng mật độ cây xanh, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường sinh thái, tiến tới xây dựng một đô thị văn minh hiện đại. Về lâu dài, thành phố là đầu mối lớn về giao thông đường sắt ở khu vực phía Nam, nối với đồng bằng sông Cửu Long, Nam Tây Nguyên và với đường sắt xuyên Á. Kiên quyết dần từng bước thay đổi cơ cấu các loại phương tiện giao thông hoạt động trên địa bàn Thành phố. Tập trung giải quyết vấn đề giao thông công cộng và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông. Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phát triển một hệ thống giao thông công cộng (xe Bus) tiện nghi và giá cả vừa phải trong khu vực nội thành, cũng như phát triển dọc theo trục hành lang nối ra bên ngoài.

7. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực điều hành quản lý nhà nước ở các cấp chính quyền thành phố; nghiên cứu đề xuất, điều chỉnh, bổ sung những vấn đề thuộc cơ chế, chính sách và luật pháp để tạo động lực mới, động viên sức dân tham gia xây dựng thành phố.

8. Phát triển kinh tế, kết hợp với giữ vững an ninh chính trị, trật tự công cộng, an toàn xã hội, đóng góp tích cực cho công tác bảo đảm an ninh - quốc phòng khu vực phía Nam và đất nước.